

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 18-9-2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Trang;
2. Bà Trần Thị Bạch Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng Diên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2020/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1980; cư trú tại: Tổ 01, ấp L, xã B, huyện B, tỉnh N; có mặt.

Bị đơn: Anh Phan Minh T, sinh năm 1978; cư trú tại: Tổ 01, ấp L, xã B, huyện B, tỉnh N; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19 tháng 5 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phan Minh T tự nguyện chung sống với nhau năm 2008, đến ngày 03/11/2016 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh N. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống tại ấp L, xã B, huyện B, tỉnh N cho đến năm 2017 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn và kéo dài cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T thường xuyên uống rượu, chửi mắng, đánh đập chị và con, không chăm lo làm ăn phụ giúp kinh tế gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng nhiều lần

được chính quyền địa phương xã B giải quyết và năm 2018 chị từng gửi đơn ly hôn với anh T tại Tòa án, nhưng sau đó chị rút lại đơn khởi kiện để cho anh T cơ hội thay đổi. Tuy nhiên, đến nay mâu thuẫn vợ chồng vẫn tiếp tục xảy ra, tuy sống cùng nhà nhưng việc ai người đó làm, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Chị nhận thấy không thể tiếp tục chung sống cùng anh T nên yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung tên Phan Nguyễn Đăng K, sinh ngày 10/10/2010, đang sống cùng chị và anh T. Chị yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu K, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/7/2020 bị đơn anh Phan Minh T trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Thị C về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn, thời gian xảy ra mâu thuẫn là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn về kinh tế và anh có uống rượu, chửi mắng chị C nhưng không đánh đập chị C; do sức khỏe yếu và anh không có việc làm nên chỉ ở nhà phụ giúp chị C, không có thu nhập để chăm lo trang trải cuộc sống gia đình. Hiện nay vợ chồng tuy sống cùng nhà nhưng không nói chuyện với nhau. Nay chị C yêu cầu ly hôn với anh, anh không đồng ý vì còn thương vợ thương con.

Về con chung: Anh thống nhất với lời trình bày của chị C về con chung là đúng. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn theo yêu cầu của chị C, anh đồng ý giao con chung tên Phan Nguyễn Đăng K, sinh ngày 10/10/2010 cho chị C nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu ly hôn với anh Phan Minh T, yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung.

Anh Phan Minh T vắng mặt và có đơn đề nghị vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị C đối với anh Phan Minh T.

+ Về nuôi con chung: Giao con chung tên Phan Nguyễn Đăng K, sinh ngày 10/10/2010 cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận chị C không yêu cầu anh Phan Minh T cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị Nguyễn Thị C và anh Phan Minh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Phan Minh T là bị đơn trong vụ án, vắng mặt tại phiên toà và có đơn đề nghị vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Phan Minh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B, tỉnh N ngày 03/11/2016. Căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận định đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị C đối với anh Phan Minh T, thấy rằng: Chị C và anh T đều xác nhận trong thời gian chung sống với nhau, giữa anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T uống rượu, chửi mắng chị C và anh T không có nghề nghiệp để phụ giúp kinh tế gia đình; mâu thuẫn giữa anh chị kéo dài từ năm 2017 cho đến nay. Lời trình bày của chị C, anh T phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương. Quá trình giải quyết vụ án, anh T yêu cầu đoàn tụ vì còn thương vợ con và cam kết sẽ thay đổi bản thân, tuy nhiên xét thấy sau khi chị C rút đơn khởi kiện về việc ly hôn với anh vào năm 2018 để vợ chồng đoàn tụ đến nay anh không có thiện chí để vợ chồng hòa giải với nhau, mâu thuẫn vợ chồng vẫn tiếp tục xảy ra, địa phương phải giải quyết nhiều lần và hiện nay, tuy vợ chồng vẫn sống chung nhà với nhau nhưng không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh T ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị C, chị C được ly hôn với anh T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị C và anh Phan Minh T có 01 con chung tên Phan Nguyễn Đăng K, sinh ngày 10/10/2010, hiện đang sống với chị C và anh T. Chị C yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu K, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án, anh T đồng ý giao cháu K cho chị C nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản lấy lời khai cháu K ngày 02/6/2020 cháu cũng có nguyện vọng sống cùng chị C. Xét thấy, sự thỏa

thuận giữa chị C và anh T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu K và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị C và anh Phan Minh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên cần ghi nhận.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị C và anh Phan Minh T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Phan Nguyễn Đăng K, sinh ngày 10 tháng 10 năm 2010 cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận chị C không yêu cầu anh Phan Minh T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Phan Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị Nguyễn Thị C cùng các T viên trong gia đình không được cản trở. Anh T không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận chị Nguyễn Thị C và anh Phan Minh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0004103 ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; chị C đã nộp đủ tiền án phí.

5. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị C được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Phan Minh T vắng mặt có lý do chính đáng được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng Ktr-NV-THA, TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Thúy

